

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/ HNGĐ - ST

Ngày 29/10/2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Mạo;

2. Bà Hoàng Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:06/QĐST- HNGĐ ngày 24/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST- HNGĐ ngày 10/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị L - Sinh năm 1991; trú tại: Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T - Sinh năm 1989; trú tại: Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xây dựng gia đình với anh Hoàng Văn T trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện B, tỉnh Bắc

Kạn vào ngày 13/01/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng chị luôn nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người khác nên đã dùng những lời lẽ mạt sát, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị và có những lời lẽ thiếu văn hóa không đáng có trong quan hệ vợ chồng. Trong khi thực tế chị không hề có quan hệ bất chính với ai và chồng chị cũng không có chứng cứ gì nhưng vẫn dùng lời lẽ xúc phạm chị dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng chị không còn quan tâm hay liên lạc với nhau nữa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung, con lớn tên Hoàng Tuyết Ng, sinh ngày 12/11/2008; con nhỏ tên Hoàng Hải Y, sinh ngày 03/10/2010, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Hoàng Văn T: Mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến Tòa án làm việc, anh T đã nhận được giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án, không có văn bản phản hồi. Sau khi biết Tòa án đã thụ lý vụ án theo đơn xin ly hôn của chị L, anh T đã bỏ đi làm ăn xa. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho mẹ đẻ của anh T nhưng bà từ chối không nhận do vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh T theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án làm việc, không tham gia các buổi hòa giải và không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tòa án đã gặp bà Phùng Mùi D là mẹ đẻ của anh T để xác minh về tình trạng hôn nhân của chị L và anh T. Bà Phùng Mùi D cho biết: Vợ chồng anh T, chị L kết hôn đến nay được hơn chục năm. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, cách đây hơn 03 năm bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, cãi chửi nhau do trong quá trình hai vợ chồng đi làm công nhân, con trai bà bắt gặp chị L ôm người đàn ông khác. Sau đó chị L đòi đưa hai con về nhà mẹ đẻ nhưng

anh T không cho đi nên chị L bỏ đi đâu không rõ, sau chị L về định uống nước ú tầu tự tử nhưng gia đình phát hiện kịp thời nên không uống được. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện B từ khoảng tháng 3 năm 2019 cho đến nay, còn anh T mới đi làm công nhân ở Sài Gòn khoảng 01 tháng nay.

Tòa án cũng đã gặp bí thư chi bộ thôn, trưởng thôn và công an viên thôn B, xã Y là những người đã đứng ra hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L, anh T tại thôn, để xác minh về tình trạng hôn nhân của anh T và chị L. Qua xác minh, chúng tôi được cung cấp thông tin như sau: Chị L và anh T kết hôn vào năm 2009, thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, 02 năm gần đây bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên ghen tuông, nghi ngờ chị L ngoại tình, dùng những lời lẽ xúc phạm, chửi mắng chị L. Vào ngày 18/5/2019 chị L có đề nghị tổ hòa giải thôn tiến hành hòa giải cho vợ chồng chị. Tại buổi hòa giải chị L trình bày là anh T ghen tuông, thường xuyên mắng chửi, sỉ nhục chị L nên chị L xin ly hôn với anh T. Tại buổi hòa giải anh T thừa nhận việc bản thân ghen tuông và mắng chửi chị L nhưng không đồng ý ly hôn. Kết quả buổi hòa giải không thành, chị L kiên quyết ly hôn còn anh T không đồng ý ly hôn.

Qua xác minh tại một số người dân là hàng xóm sống gần nhà anh T, chị L thì họ đều cho biết trong mấy năm gần đây vợ chồng anh T chị L thường xuyên cãi chửi nhau do anh T nghi ngờ chị L ngoại tình dẫn đến cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và chị L đã bỏ về nhà ngoại sống.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Việc chị Hoàng Thị L xin ly hôn với anh Hoàng Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị L được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung, tên là Hoàng Tuyết Ng, sinh ngày 12/11/2008 và Hoàng Hải Y, sinh ngày 03/10/2010. Đề nghị HĐXX giao 02 con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục. Chị L không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Chị L xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, bị đơn anh Hoàng Văn T có địa chỉ cư trú tại thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định nhưng bị đơn là anh Hoàng Văn T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Cả 02 lần mở phiên tòa, Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập theo đúng quy định nhưng anh T đều không có mặt tại phiên tòa. Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn vào năm 2009 nên xác định hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T luôn nghi ngờ chị L có quan hệ bất chính với người khác nên đã dùng những lời lẽ mạt sát, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị và có những lời lẽ thiếu văn hóa không đáng có trong quan hệ vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị L và anh T đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng anh chị không quan tâm hay liên lạc với nhau nữa.

Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về phía anh T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án đồng thời tổng đạt giấy triệu tập cho anh T 02 lần nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc. Sau đó anh T đã bỏ đi làm ăn xa, cố tình không cho chị L biết địa chỉ cụ thể nơi hiện nay anh đang làm việc, sinh sống, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, anh T biết việc chị L xin ly hôn nhưng không có ý kiến mong muốn hòa giải để quay về đoàn tụ, cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của anh về việc chị L xin ly hôn với anh, điều đó thể hiện anh không có trách nhiệm trong việc đoàn tụ gia đình. Xét thấy cuộc sống hôn nhân muốn hạnh phúc thì vợ chồng phải thật sự tin tưởng, yêu thương nhau, cùng nhau cố gắng vun đắp, xây dựng gia đình. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng, anh T không hề tin tưởng vợ mà luôn nghi ngờ, ghen tuông vô lối, dùng những lời lẽ mạt sát, chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị L khiến chị L bị tổn thương, đau khổ, mệt mỏi không thể tiếp tục chung sống với chồng mà phải bỏ về sống với bố mẹ đẻ. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay và không còn khả năng hàn gắn nên chị L kiên quyết xin ly hôn. Việc chị L xin ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hoàng Thị L xin chịu trách nhiệm nuôi 02 con chung là Hoàng Tuyết Ng, sinh ngày 12/11/2008 và Hoàng Hải Y, sinh ngày 03/10/2010, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các cháu thì cháu Ng có nguyện vọng được ở với bố còn cháu Y có nguyện vọng được ở với mẹ. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn T không hợp tác, không có ý kiến gì về việc chị L xin ly hôn và cũng không nêu nguyện vọng về nuôi con và cấp dưỡng. Hiện nay anh T bỏ đi làm ăn xa, điều kiện kinh tế ra sao, địa chỉ cụ thể ở đâu không rõ. Về phía chị L hiện nay đang làm công nhân, công việc và thu nhập tương đối ổn định, có điều kiện kinh tế để có thể nuôi dưỡng cả 02 con, mặt khác bố mẹ đẻ của chị L tạo điều kiện về chỗ ăn, chỗ ở cho 03 mẹ con và giúp chị chăm sóc các con. Xét thấy việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện thực tế của mỗi bên và đảm bảo cuộc sống cũng như tương lai của con. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị L về việc nuôi con như trên là chính đáng nên cần giao cho chị L nuôi cả 02 con chung là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị L xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Hoàng Thị L đối với anh Hoàng Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Hoàng Tuyết Ng, sinh ngày 12/11/2008 và Hoàng Hải Y, sinh ngày 03/10/2010 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị L không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 03680 ngày 07/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Hoàng Thị L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt

tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

.